

Số: 151/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 290/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 210/HĐND-KTNS ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đồng ý chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo trình tự, thủ tục rút gọn; Báo cáo thẩm tra số 268/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật gây ra tại tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ:

Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Quy định chi tiết tại Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật:

1. Đối với nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng (trừ đối tượng là doanh nghiệp vừa và nhỏ): Ngân sách trung ương hỗ trợ 80%; 20% kinh phí còn lại sử dụng từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Đối với nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ: Sử dụng ngân sách cấp tỉnh và nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật và khoản 5 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP

ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Trường hợp các văn bản hoặc tên các đơn vị được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định hoặc tên đơn vị mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý VPHC-Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường (mới);
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4, TH, TH3. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Tú Anh

PHỤ LỤC I
NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁC LOẠI CÂY TRỒNG, LÂM
NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ SẢN XUẤT MUỐI BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI,
DỊCH HẠI THỰC VẬT
(Kèm theo Nghị quyết số 151/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của
HĐND tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (Đồng/ha)
I	Đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật	
1	Diện tích lúa	
1.1	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000
1.2	Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	8.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	4.000.000
1.3	Sau gieo trồng trên 45 ngày	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000
2	Diện tích mạ	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000
3	Diện tích cây hằng năm khác	
3.1	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000
3.2	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000
3.3	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	15.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	7.500.000

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (Đồng/ha)
4	Diện tích cây trồng lâu năm	
4.1	<i>Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	12.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	6.000.000
4.2	<i>Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	20.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	10.000.000
4.3	<i>Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000
4.4	<i>Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	60.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	30.000.000
II	Đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật	
1	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	8.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	4.000.000
2	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	15.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	7.500.000
3	Diện tích vườn giống, rừng giống	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	20.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	10.000.000



STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (Đồng/ha)
4	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	
4.1	<i>Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	40.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	20.000.000
4.2	<i>Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	60.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	30.000.000
III	Đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)	
1	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	60.000.000
2	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè	30.000.000 (đồng/100m ³)
3	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	15.000.000
IV	Sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm diện tích đang sản xuất hoặc diện tích có muối đã được tập kết trên ruộng)	
1	Thiệt hại trên 70% diện tích	4.000.000
2	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



**NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VẬT NUÔI BỊ THIẾT HẠI
(CHẾT, MẤT TÍCH) DO THIÊN TAI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 151/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của
HĐND tỉnh Hà Tĩnh)*

TT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (Đồng/con)
1	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)	
a)	Đến 28 ngày tuổi	22.000
b)	Trên 28 ngày tuổi	38.000
2	Chim cút	
a)	Đến 28 ngày tuổi	4.000
b)	Trên 28 ngày tuổi	8.000
3	Lợn	
a)	Đến 28 ngày tuổi	550.000
b)	Trên 28 ngày tuổi	1.000.000
c)	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	3.000.000
4	Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi	3.000.000
5	Bò sữa trên 06 tháng tuổi	8.000.000
6	Trâu, bò thịt, ngựa	
a)	Đến 06 tháng tuổi	2.200.000
b)	Trên 06 tháng tuổi	5.000.000
7	Hươu sao, cừu, dê, đà điểu	1.700.000
8	Thỏ	
a)	Đến 28 ngày tuổi	40.000
b)	Trên 28 ngày tuổi	60.000
9	Ong mật (đàn)	400.000 (đồng/đàn)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH